

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HSST.
Ngày 06-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Thọ
2. Ông Nguyễn Đức Ngọc

Thư ký phiên tòa: Hà Thị Yên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quang Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST ngày 01 tháng 7 tháng 2020 đối với bị cáo:

- NGUYỄN NĂNG K (Tên gọi khác: Không); Sinh ngày 26 tháng 6 năm 1989 tại: Hà Nội; nơi cư trú: Tổ 15, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Năng Th và con bà Phạm Thị N (đã chết năm 2008); vợ: Trần Thị Hương L; con: Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2019; nhân thân: Không; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/9/2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an TP H, có mặt.

- Bị hại: Ông Nguyễn Hữu T; địa chỉ: Khu 4, xã M, huyện P, tỉnh Phú Thọ, vắng mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Hữu T; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

2. Anh Trần Ngọc A; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

3. Anh Vũ Đình M; địa chỉ: Thôn Tân T, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.
 4. Bà Nguyễn Thị N; địa chỉ: Tổ 08, phường T, TP H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.
 5. Anh Nguyễn Xuân A; địa chỉ: Thôn Tân T, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.
 6. Chị Phùng Thị A; địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.
 7. Anh Phạm Nguyên S; địa chỉ: Xã P, huyện Q, TP Hà Nội, vắng mặt.
 8. Chị: Nguyễn Thị Anh T; địa chỉ: thôn L, xã Đ, huyện H, TP Hà Nội, vắng mặt.
 9. Ngân hàng TMCP Đ (VP Com Bank) - Chi nhánh T- PGD Mỹ Đình; địa chỉ: Tòa nhà The Manor, KĐT M, phường M, quận N, thành phố Hà Nội. Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Tiến Q - Phòng Quản lý khách hàng, vắng mặt.
- Người làm chứng: Ông Nguyễn Năng T, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cuối tháng 12/2018 bị cáo Nguyễn Năng K đã thực hiện hành vi lên mạng xã hội thuê người làm giả Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 010986 mang tên Nguyễn Đức S với giá 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*), mục đích để bị cáo bán xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet - Colorado LT, biển kiểm soát 23C-038.46 (Xe ô tô thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Đức S, trong khi chiếc xe ô tô là tài sản đang được thế chấp tại ngân hàng PVCombank để vay tiền mua xe trả góp) để lấy tiền sử dụng chi tiêu cá nhân. Đến ngày 10/01/2019, K đưa giấy đăng ký xe ô tô giả cùng với xe ô tô biển kiểm soát 23C-038.46 nhờ Trần Ngọc A bán xe ô tô cho ông Nguyễn Hữu T (*việc mua xe được ông Nguyễn Hữu T em trai ông T đi mua hộ*) tại tổ 15, phường M, thành phố H được số tiền 455.000.000đ (*Bốn trăm năm mươi năm triệu đồng*). Bị cáo K giữ lại là 453.000.000đ (*Bốn trăm năm mươi ba triệu đồng*) và cho Trần Ngọc A 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*). Khi ông T nhờ người đi thực hiện việc rút hồ sơ xe ô tô tại phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hà Giang thì bị phát hiện giấy đăng ký xe ô tô là giả, vụ việc bị phát hiện.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo kháng khai:

Đầu tháng 6 năm 2017, do cần mua xe ô tô phục vụ nhu cầu cá nhân, bị cáo liên hệ với Phạm Nguyên S là nhân viên Đại lý bán xe ô tô Chevrolet Newway (*địa chỉ: 183 Yên Lãng, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội*) hỏi về thủ tục mua xe trả góp nhưng S nói phải có nguồn thu nhập ổn định thì mới đủ điều kiện mua xe. Do bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định, nên đã nhờ em họ là ông Nguyễn Đức S (*trú tại: tổ 08, phường Trần*

Phú, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang) đứng tên để mua xe ô tô trả góp, ông S đồng ý. Ngày 06/6/2017, bị cáo và anh S đến nhà ông S tại tổ 08, phường T, thành phố H sao chụp Sổ hộ khẩu và giấy Chứng minh nhân dân của ông S và bà N (vợ ông S). Sau đó bị cáo nhờ ông S ký vào giấy đề nghị kiêm phương án vay do Sỡ mang đến. Ông S ký xong, bị cáo giao cho S số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) đặt cọc để mua xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet - Colorado LT (Sỡ viết phiếu thu tiền đặt cọc nhưng K đã làm thất lạc). Nhận tiền đặt cọc, ảnh chụp Sổ hộ khẩu và Chứng minh nhân dân của vợ chồng ông S, bà N. Sau đó S liên hệ với Nguyễn Thị Anh T là chuyên viên khách hàng cá nhân, thuộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (viết tắt là PVCombank), chi nhánh T, phòng giao dịch M, làm thủ tục, hồ sơ vay tiền cho ông S và bà N. Việc làm thủ tục vay vốn ngân hàng do S tự làm bị cáo không biết.

Ngày 19/6/2017 Đại lý Chevrolet Newway xuất giấy tờ xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet - Colorado LT bán cho ông Nguyễn Đức S. Bị cáo và S đến Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hà Giang làm thủ tục đăng ký xe, nhưng không làm được nên bị cáo gọi điện nhờ ông S đến phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hà Giang, làm thủ tục. Cùng ngày được cấp biên kiểm soát 23C-038.46 và giấy Chứng nhận Đăng ký xe ô tô số 007340, biên số 23C-038.46, chủ xe là ông Nguyễn Đức S; Sỡ cầm giấy đăng ký, biên số xe về thành phố Hà Nội. Ngày 20/6/2017, S làm thủ tục đăng kiểm xe ô tô biên kiểm soát 23C-038.46 tại Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới, thuộc Công ty cổ phần đăng kiểm Đ, huyện H, thành phố Hà Nội, sau đó chuyển giấy tờ xe cho Tr.

Ngày 22/6/2017, bị cáo trả trước số tiền 155.000.000đ (Một trăm năm mươi năm triệu đồng) tiền mua xe cho Đại lý Chevrolet Newway. Sau đó, S thông báo cho bị cáo biết Ngân hàng PV Combank đồng ý cho vay 494.000.000đ (Bốn trăm chín mươi bốn triệu) để mua xe. Ngày 26/6/2017, bị cáo đến Đại lý Chevrolet Newway gặp Sỡ để nhận xe ô tô 23C-038.46, kèm theo Công văn số 197/CV-PVBTL ngày 26/6/2019 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Nhận được xe, bị cáo không thông báo cho ông S biết mà tự quản lý và sử dụng. Hàng tháng, bị cáo nộp tiền trả góp vào số tài khoản 102000417353 đứng tên ông Nguyễn Đức S, mở tại phòng giao dịch M, ngân hàng PVCombank (Hiện chưa xác định ai là người trực tiếp đăng ký mở tài khoản này do Ngân hàng không phối hợp cung cấp hồ sơ mở tài khoản); đến ngày 19/12/2018, bị cáo đã trả cho Ngân hàng được tổng số tiền gốc và lãi là 85.733.344đ (Tám mươi năm triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn ba trăm bốn mươi bốn đồng).

Đến cuối tháng 12/2018, do hết khả năng thanh toán tiền trả góp cho ngân hàng, bị cáo nảy sinh ý định vào mạng Internet tìm người làm giả giấy đăng ký xe ô tô biên kiểm soát 23C-038.46 để bán xe ô tô. Bị cáo sử dụng điện thoại Iphone 6 lắp sim số thuê bao 0912051515 của bị cáo truy cập vào mạng Internet, khi thấy đăng thông tin “làm giấy tờ giả” và số điện thoại (hiện không nhớ số thuê bao), bị cáo sử dụng tài khoản Zalo “Nguyễn Khánh” kết bạn với tài khoản là “Lâm xe Campuchia” (Hiện chưa xác định được tên, tuổi, địa chỉ) để nhắn tin thuê làm một giấy đăng ký xe giả với giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng)

đồng thời cung cấp thông tin đăng ký xe ô tô 23C-038.46 cho "*Lâm xe Campuchia*" làm giấy đăng ký giả. Khoảng 05 - 06 ngày sau, bị cáo nhận được ảnh chụp giấy Đăng ký xe ô tô giả do "*Lâm xe Campuchia*" gửi tin nhắn Zalo, thấy giống đăng ký thật, bị cáo đồng ý lấy. Ngày 07/01/2019 bị cáo nhận được bưu phẩm có giấy đăng ký xe biển 23C-038.46 giả do nhân viên chuyển phát giao tại khu vực đầu cầu Yên Biên II, thuộc tổ 10, phường M, thành phố H, bị cáo trả số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) cho nhân viên chuyển phát thu hộ người gửi. Khi có giấy đăng ký xe ô tô giả, bị cáo nhắn tin, gửi hình ảnh xe ô tô, biển kiểm soát 23C -038.46 cho Trần Ngọc A (bạn của bị cáo) để nhờ bán hộ xe bị cáo không nói cho Ngọc A biết giấy đăng ký xe ô tô là giả. Ngọc A đồng ý và đăng tin bán xe lên mạng xã hội Zalo qua tài khoản là "*Thanh Niên Đa Tình*" của Ngọc A. Khi thấy thông tin đăng bán xe ô tô của Ngọc Anh, anh Vũ Đình Minh (*trú tại: xã Thái Hòa, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang*) thông báo cho ông Nguyễn Hữu T người đang có nhu cầu mua xe biết. Quá trình trao đổi, ông T đồng ý mua và nhờ anh trai là ông Nguyễn Hữu T (*là em trai*) cùng anh M đến thành phố H để giao dịch mua xe. Khi gặp nhau, bị cáo không tham gia vào quá trình giao dịch, mua bán mà giao hết cho Ngọc A, trong khi ông T đang kiểm tra xe thì bị cáo đưa giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả cho Ngọc A và nói "*em họ tôi không có ở nhà, khi nào cần rút giấy tờ thì tôi bảo em họ tôi rút cho*" để Ngọc A nói lại với người mua. Giá bán xe ô tô 455.000.000đ (*Bốn trăm năm mươi năm triệu đồng*) là do bị cáo quyết định và đồng ý bán, bị cáo nhờ Ngọc A đi cùng ông T ra ngân hàng nhận tiền. Sau đó, Ngọc A đã giao đủ số tiền 455.000.000đ cho bị cáo, bị cáo tự nguyện lấy 2.000.000đ ra đưa cho Ngọc A mục đích để cảm ơn Ngọc A, số tiền còn lại 453.000.000đ bị cáo chi tiêu cá nhân hết. Sau đó không có khả năng kinh tế để trả nợ cho ngân hàng và bị hại.

Lời khai của ông Nguyễn Hữu T: Do được ông T là em trai nhờ ông đi xem và mua hộ xe ô tô nên ngày 10/01/2019, ông T và anh M đến huyện B, tỉnh Hà Giang đón Ngọc A cùng lên thành phố H, và bị cáo K hẹn gặp để kiểm tra xe ô tô tại trục đường L (*giáp trường Trung cấp y tỉnh Hà Giang*) thuộc tổ 15, phường M, thành phố H. Sau khi kiểm tra xe, ông T gọi điện cho ông T để thông báo tình trạng xe và giá mua xe, ông T đồng ý mua với giá 455.000.000đ (*Bốn trăm năm mươi năm triệu đồng*), Ngọc A đưa ông T giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 23C-038.46. Ông T kiểm tra đăng ký không nghi ngờ gì và thông báo nội dung cho ông T biết, ông T đồng ý mua xe đồng thời chuyển tiền tại chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện P tỉnh Phú Thọ gửi vào tài khoản số 34110001128168 thuộc Ngân hàng Đầu tư và phát triển của ông T đứng tên. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, anh M điều khiển xe ô tô, biển kiểm soát 23C-038.46 đưa ông T và Ngọc A đến Ngân hàng Đầu tư và phát triển tỉnh Hà Giang để rút tiền. Sau khi rút được tiền, ông T yêu cầu Ngọc A viết giấy bán xe ô tô biển kiểm soát 23C-038.46, sau đó bàn giao số tiền 455.000.000đ (*Bốn trăm năm mươi năm triệu đồng*) cho Ngọc A, sau khi hai bên giao, nhận xe. Anh M điều khiển xe ô tô, biển kiểm soát 23C-038.46 về giao cho ông T quản lý. Sau đó, ông T giao xe và toàn bộ giấy tờ cho ông Nguyễn Hữu T tại xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang để ông T quản lý, sử dụng.

- Lời khai của ông T: Do có nhu cầu mua xe ô tô và qua anh M giới thiệu nên ông biết Ngọc A có rao bán xe ô tô đúng với loại xe muốn mua. Vì điều kiện ở xa nên ông đã nhờ anh trai ông là ông T cùng M lên Hà Giang xem và mua xe hộ ông. Sau đó ông T và anh M đã lên gặp Ngọc A xem xe ô tô, ông T có gọi cho ông để xác nhận là xe còn tốt và thông báo giá bán xe của Ngọc A nêu ra. Ông nhất trí mua và chuyển số tiền 455.000.000đ vào tài khoản của ông T để ông T rút ra trả tiền mua xe ô tô cho ông. Việc làm thủ tục giao tiền và xác nhận giấy tờ do ông T làm, sau khi nhận xe ô tô về ông T đã giao xe cho ông quản lý sử dụng luôn. Khoảng tháng 3/2019 ông T đến gặp Minh tại xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang nhờ rút hồ sơ xe. Anh M đồng ý, ông T đưa cho M 01 (Một) giấy đăng ký xe ô tô số 010986; 01 (Một) bản sao y giấy chứng minh nhân dân số 131592718 và 01 bản sao y sổ hộ khẩu số 450128559 mang tên ông Nguyễn Hữu T; 02 (Hai) biển số 23C-038.46; 01 (Một) bộ bản cà số khung, số máy xe ô tô. Sau đó, M đưa toàn bộ hồ sơ và biển số xe ô tô 23C-038.46 cho Nguyễn Xuân A (*là anh rể của M*). Anh A tiếp tục gửi cho bà Phùng Thị Á nhờ rút hồ sơ xe ô tô. Ngày 01/4/2019 bà Ánh đến Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hà Giang để rút hồ sơ xe thì bị phát hiện là giấy đăng ký giả.

Ngày 13/7/2019 anh Trần Ngọc A có đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đề nghị giải quyết vụ việc trên theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/9/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H tiến hành khám xét tại nơi ở của bị cáo K thuộc tổ 15, phường M, thành phố H, thu giữ 01 (Một) tờ giấy kích thước giấy A4 đề tên “*Biên bản bàn giao xe*” của Công ty cổ phần Con đường mới Chevrolet Newway.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 34KL-HĐĐGTS ngày 07/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Hà Giang kết luận: Xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet - Colorado LT, loại xe bán tải, màu sơn xanh, biển kiểm soát 23C-038.46 có giá trị là 430.000.000đ (*Bốn trăm ba mươi triệu đồng*).

Tại bản Kết luận giám định số 275/KL-PC09 ngày 02/8/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận: Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 010986 mang tên Nguyễn Đức S (*thu giữ tại phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hà Giang*) là giả.

Tại bản Kết luận giám định số 320/KL-PC09 ngày 04/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận: Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 010986 mang tên Nguyễn Đức S (*do ngân hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ giao cho Cơ quan điều tra*) là thật.

Tại bản Kết luận giám định số 339/KL-PC09 ngày 11/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận: Dấu hình tròn có nội dung “*CÔNG AN QUẬN NAM TỪ LIÊM - TP HÀ NỘI * CÔNG AN PHƯỜNG MỀ TRÌ” trên tài liệu cần giám định ký hiệu M so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Tại bản Kết luận giám định số 321/KL-PC09 ngày 16/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận: Giấy đề nghị kiểm phương án vay ngày 20/6/2017, chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Đức S là của cùng một người viết và ký ra. Chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Thị N không phải của cùng một người viết ra. Các tài liệu còn lại không đủ cơ sở hoặc khác dạng nên không giám định được.

Tại bản Kết luận giám định số 355/KL-PC09 ngày 04/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận:

1. Các tài liệu có chữ viết đứng tên Nguyễn Đức S trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A2 đến A10 so với chữ viết đứng tên Phạm Nguyên S, Nguyễn Thị Anh Tr, Nguyễn Năng K không đủ cơ sở kết luận.

- Các tài liệu có chữ ký đứng tên Nguyễn Đức S trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A2 đến A10 so với chữ ký đứng tên Phạm Nguyên S, Nguyễn Thị Anh Tr, Nguyễn Năng K khác dạng nên không tiến hành giám định so sánh.

2. Đối với các tài liệu có chữ viết đứng tên Nguyễn Thị N trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A7 so với chữ viết đứng tên Phạm Nguyên S, Nguyễn Thị Anh Tr, Nguyễn Năng K không đủ cơ sở kết luận.

- Các tài liệu có chữ ký đứng tên Nguyễn Thị N trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A7 so với chữ ký đứng tên Phạm Nguyên S, Nguyễn Thị Anh Tr, Nguyễn Năng K khác dạng nên không tiến hành giám định so sánh.

Phần thủ tục vay vốn tại ngân hàng: Để vay được tiền tại Ngân hàng, các đối tượng (*Hiện chưa xác định tên, tuổi, địa chỉ, đặc điểm nhận dạng của những người này*) đã giả mạo chữ ký, chữ viết của ông S, bà N tại Hợp đồng lao động cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A; giả con dấu Công an phường M, quận N, thành phố Hà Nội, lập Hồ sơ vay vốn số 263/ 2017/HĐCV/PVB-MĐ ngày 23/6/2017 và Hợp đồng thế chấp xe ô tô, số 263/2017/HĐBĐ-PVBMĐ, ngày 23/6/2017. Cụ thể, trước khi lập hồ sơ vay vốn, các đối tượng chuẩn bị các loại giấy tờ gồm: Hợp đồng lao động đứng tên ông Nguyễn Đức S, bà Nguyễn Thị N tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A, địa chỉ: Tòa nhà 210, phường N, quận H, thành phố Hà Nội; Giấy xác nhận ông Nguyễn Đức S, bà Nguyễn Thị N tạm trú tại phố M, phường M, quận N, thành phố Hà Nội; Giấy vay tiền lập ngày 12/6/2017, giữa Nguyễn Đức S với Phạm Anh V số tiền vay là 494.000.000đ (*Bốn trăm chín mươi bốn triệu*). Cùng với các giấy tờ trên, ngày 20/6/2017 Trình lập tờ trình đề xuất cấp tín dụng. Ngày 22/6/2017, bà Mai Thanh V giám đốc phòng giao dịch M và bà Phạm Thị Đ giám đốc Chi nhánh T phê duyệt giải ngân khoản vay. Sau đó, Tr hoàn thiện hồ sơ vay tiền và thế chấp tài sản gồm: Giấy đề nghị kiểm phương án vay ngày 20/6/2017, có chữ ký, chữ viết của Nguyễn Đức S và Nguyễn Thị N; Giấy ủy quyền, ngày 23/6/2017, có chữ ký, chữ viết của Nguyễn Đức S và Nguyễn Thị N; Biên bản thỏa thuận định giá tài sản thế chấp số 263/2017/BBTĐG/PVBMĐ, ngày 23/6/2017, có chữ ký, chữ viết của Nguyễn Đức S và Nguyễn Thị N; Hợp đồng thế chấp xe ô tô, số 263/2017/HĐBĐ-PVBMĐ, ngày 23/6/2017, có chữ ký, chữ viết của Nguyễn Đức S và Nguyễn Thị N; Hợp đồng cho vay, số

263/2017/HĐCV/PVB-MĐ, ngày 23/6/2017, có chữ ký, chữ viết của Nguyễn Đức S và Nguyễn Thị N; Khế ước nhận nợ, số 01, ngày 23/6/2017, có chữ ký, chữ viết của Nguyễn Đức S và Nguyễn Thị N; Bản điều khoản và điều kiện cấp tín dụng, có chữ ký, chữ viết của Nguyễn Đức S và Nguyễn Thị N; Hợp đồng mua bán xe ô tô, số 06018, có chữ ký, chữ viết của Nguyễn Đức S; Giấy khai đăng ký xe ngày 19/6/2019, có chữ ký, chữ viết của Nguyễn Đức S; Biên bản bàn giao xe ngày 26/6/2017 có chữ viết, chữ ký đúng tên Nguyễn Đức S.

* Vật chứng vụ án gồm:

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã thu giữ vật chứng gồm (*Bản kê vật chứng kèm theo*).

Căn cứ Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu, số 01, ngày 09/4/2020, của Cơ quan điều tra: đã tiến hành trao trả giấy tờ cho ông Vũ Tiến Q là chuyên viên quản lý khách hàng cá nhân M, Ngân hàng thương mại cổ phần (PVCombank) là người được Ngân hàng ủy quyền đứng ra giải quyết các vấn đề liên quan đến vụ án, gồm:

- 01 (Một) giấy đề nghị kiêm phương án vay, ngày 20/6/2017; 01 (Một) giấy ủy quyền, ngày 23/6/2017; 01 (Một) Biên bản thỏa thuận định giá tài sản thế chấp, số 263/2017/BBTĐG/ PVBMD, ngày 23/6/2017; 01 (Một) Hợp đồng thế chấp xe ô tô, số 263/2017/HĐBĐ-PVBMD, ngày 23/6/2017; 01 (Một) Hợp đồng cho vay, số 263/2017/HĐCV/ PVB-MĐ, ngày 23/6/2017; 01 (Một) Khế ước nhận nợ, số 01, ngày 23/6/2017; 01 (Một) Bản điều khoản và điều kiện cấp tín dụng; 01 (Một) Tờ trình đề xuất cấp tín dụng ngày 20/6/2017; 01 (Một) Hợp đồng lao động, số 104, lập ngày 05/5/2015; Giấy xác nhận tạm trú; Giấy vay tiền, lập ngày 12/6/2017.

Sau khi nhận lại các giấy tờ, Ngân hàng PVCombank không yêu cầu đề nghị gì thêm.

Căn cứ Quyết định xử lý vật chứng, số 10, ngày 09/4/2020 của Cơ quan điều tra, đã tiến hành trao trả vật chứng của vụ án cho bà Nguyễn Thị N (vợ ông S), gồm:

- 01 (Một) xe ô tô đã qua sử dụng, nhãn hiệu Chevrolet - Colorado LT, màu sơn Xanh; số khung *MMM148EL0HH643773*, số máy GE2G170671255; 01 (Một) biển số 23C-038.46, kích thước 47,5cm x 11,8 cm; 01 (Một) biển số 23-038.46, kích thước 28,7cm x 20,9 cm; 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, số 007340, biển số 23C-038.46, do phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 19/6/2017.

- Trả cho ông Nguyễn Hữu T: 01 (Một) giấy bán xe ô tô, lập ngày 10/01/2019; 01 (Một) bản sao giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Hữu T; 01 (Một) bản sao sổ hộ khẩu số 450128559 mang tên Nguyễn Hữu Tỉnh; 01 (Một) bản giấy chà số khung *MMM148EL0HH643773*; 01 (Một) bản giấy chà số máy GE2G170671255. Sau khi nhận lại tài sản, ông T không yêu cầu, đề nghị gì.

Số vật chứng được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Giang quản lý theo quy định của pháp luật, gồm:

- 01 (Một) điện thoại di động đã qua sử dụng, nhãn hiệu Iphone 6, màu Vàng - Trắng, số IMEI 354411068400630, lắp số thuê bao 0912051515; 2.000.000đ (Hai triệu đồng), chuyển từ tài khoản tạm giữ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H sang tài khoản tạm giữ của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H; 01 (Một) Chứng nhận đăng ký xe ô tô giá số 010986 mang tên Nguyễn Đức S (thu giữ tại phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Hà Giang).

Bản cáo trạng số 18/CT-VKS- TPHG ngày 15/5/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Năng K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo K đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan CSĐT, phù hợp với tài liệu chứng cứ chứng minh do cơ quan Điều tra thu thập được về thời gian, địa điểm, hành vi mà bị cáo đã thực hiện, cũng như vật chứng thu giữ được, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang sau phân xét hỏi và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Năng K về tội danh, điều luật như nội dung cáo trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Năng K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.
- Hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51 - Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo K từ 08 đến 10 năm tù, thời hạn tù tính ngày bị bắt tạm giam 13/9/2019.
- Trách nhiệm dân sự: Không đề nghị giải quyết do bị cáo đã thực hiện xong việc BTTH.
- Xử lý vật chứng: Xử lý theo quy định.
- Án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo pháp luật.
- Tuyên án phí và quyền kháng cáo đối với bị cáo, bị hại người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật

Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, việc bị cáo bị xét xử về tội danh trên là đúng, hứa sẽ cải tạo tốt và nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều được thực hiện trình tự, thủ tục theo đúng quy định của pháp luật, không có khiếu nại, tố cáo. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Năng K đã khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án nêu trên. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai nhận tội tại Cơ quan CSĐT, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng toàn bộ tài liệu chứng cứ khác lưu trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Cuối tháng 12/2018 bị cáo Nguyễn Năng K đã thực hiện hành vi vào mạng xã hội thuê người làm giả Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 010986 mang tên Nguyễn Đức S với giá 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*), mục đích để bị cáo bán xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet - Colorado LT, biển kiểm soát 23C-038.46 (Xe ô tô thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Đức S, trong khi chiếc xe ô tô là tài sản đang được thế chấp tại ngân hàng PVCombank để vay tiền mua xe trả góp) để lấy tiền sử dụng chi tiêu cá nhân. Đến ngày 10/01/2019, Khánh đưa giấy đăng ký xe ô tô giả cùng với xe ô tô biển kiểm soát 23C-038.46 nhờ Trần Ngọc A bán xe ô tô cho ông Nguyễn Hữu T cư trú: Khu 4, xã M, huyện P, tỉnh Phú Thọ (*việc mua xe được ông Nguyễn Hữu T em trai ông T đi mua hộ*) tại tổ 15, phường M, thành phố H chiếm đoạt được số tiền 455.000.000đ (*Bốn trăm năm mươi năm triệu đồng*). Bị cáo Khánh giữ lại là 453.000.000đ (*Bốn trăm năm mươi ba triệu đồng*) và cho Trần Ngọc A 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*). Đến tháng 3/2019 khi ông T nhờ người đi thực hiện việc rút hồ sơ xe ô tô tại phòng Cảnh sát giao thông công an tỉnh Hà Giang thì bị phát hiện giấy đăng ký xe ô tô là giả. Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Năng K đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản được quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo là đúng người đúng tội theo quy định của pháp luật.

[3]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Vì đã trực tiếp xâm hại tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người nhận thức được việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích tư lợi mà đã bất chấp pháp luật cố ý phạm tội. Bị cáo khai nhận mặc dù biết rõ chiếc xe ô tô thuộc quyền sở hữu của ông Sơn và hiện đang được thế chấp tại ngân hàng PV Combank để bảo đảm cho khoản vay mua xe, và bị cáo không được quyền bán chiếc xe nêu trên. Nhưng do bị cáo làm ăn bị thua lỗ, nợ nhiều, không có khả năng trả nợ, bị nhiều người đòi nợ, nên bị cáo đã nảy sinh ý định dùng thủ đoạn gian dối thuê người làm giấy đăng ký xe ô tô giả nhằm mục đích bán được chiếc xe ô tô chiếm đoạt tiền của bị hại. Do bị hại không biết đăng ký xe ô tô của bị cáo đưa ra là giả nên tin tưởng và đã mua xe ô tô không thuộc quyền sở hữu của bị cáo và đang là tài sản thế chấp tại ngân hàng và bị cáo thực hiện được hành vi chiếm đoạt tài sản là số tiền 455.000.000đ của ông T. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, nên cần phải xử phạt bị

cáo mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo đồng thời phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo đã khắc phục toàn bộ thiệt hại cho Ngân hàng và bị hại. Vì vậy, áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000,đ đến 100.000.000,đ...”, Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa bị cáo là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7]. Ngân hàng TMCP Đ (VP Com Bank) là đơn vị trực tiếp phê duyệt giải ngân số tiền 494.000.000 đồng (*Bốn trăm chín mươi bốn triệu đồng*) cho hợp đồng vay vốn và thế chấp tài sản của khách hàng ông Nguyễn Đức S và Nguyễn Thị N, do nhân viên ngân hàng trình duyệt, nhưng không biết các giấy tờ trong hai bộ hồ sơ đó là giả. Cơ quan điều tra đã đề nghị Ngân hàng tiến hành Thanh tra và kiến nghị đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[8]. Đối với anh Trần Ngọc A là người được bị cáo K nhờ bán hộ xe ô tô, biển kiểm soát 23C-038.46. Nhưng khi bán xe, Ngọc A không biết giấy đăng ký xe ô tô là giả, do vậy Ngọc A không đồng phạm về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản với bị cáo. Số tiền nhận được của K tự nguyện bồi dưỡng là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*), Ngọc A đã giao nộp cho Cơ quan điều tra. Do đó, không đề cập xử lý đối với Ngọc A.

[9]. Đối với ông Nguyễn Đức S, là người nhận đứng tên mua xe và đăng ký xe ô tô, ký vào giấy đề nghị kiêm phương án vay, ngày 20/6/2017 theo mẫu có sẵn của Ngân hàng; Nhưng ông S không biết việc K vay tiền của Ngân hàng nào để mua xe ô tô; không được ký vào các giấy tờ kèm theo Hợp đồng vay tiền và Hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng PVCombank; không được bị cáo thông báo đã nhận và sử dụng xe ô tô. Ngày 19/10/2019, ông Sơn tử vong do bệnh lý. Do vậy Cơ quan điều tra không xem xét giải quyết.

[10]. Đối với số tài khoản 102000417353 đứng tên Nguyễn Đức S, mở tại phòng giao dịch M, ngân hàng PVCombank, hiện chưa xác định ai là người trực tiếp đăng ký mở tài khoản này do Ngân hàng không phối hợp cung cấp hồ sơ mở tài khoản, do đó, cơ quan điều tra không xem xét giải quyết.

[11]. Đối với bà Nguyễn Thị N không biết việc ông S đứng tên giúp K mua xe ô tô, không biết việc K vay tiền tại Ngân hàng hàng trả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 23C-038.46 cho chồng là Nguyễn Đức S, nhưng do ông S đã chết, nên bà N đã

giao nộp cho Cơ quan điều tra và không có đề nghị gì. Do đó, cơ quan điều tra không xem xét giải quyết.

[12]. Đối với Phạm Nguyên S và Nguyễn Thị Anh Tr không thừa nhận hành vi giả mạo chữ ký, chữ viết của cá nhân; làm giả con dấu của cơ quan tổ chức gây khó khăn cho quá trình điều tra. Do sự việc không xảy ra tại địa bàn tỉnh Hà Giang. Cơ quan điều tra đã yêu cầu Ngân hàng tiến hành thanh tra toàn bộ hồ sơ thế chấp, vay tiền do Tr thực hiện, đề kiến nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

[13]. Đối với đối tượng tên “*Lâm xe Campuchia*” là người được bị can thuê làm giả giấy đăng ký xe, hiện Cơ quan điều tra chưa xác định được tên, tuổi, địa chỉ, nhân thân, lai lịch. Do vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra khi có đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật. Xét việc xử lý của CQCSĐT Công an TP Hà Giang là phù hợp đúng luật nên chấp nhận.

[14]. Đối với anh Vũ Đình M là người dẫn ông T đi mua xe, không tham gia vào việc thỏa thuận, mua bán, giao tiền. Do đó, không xem xét giải quyết.

[15]. Đối với anh Nguyễn Xuân A, bà Phùng Thị Á không biết việc mua bán xe ô tô giữa ông T và bị can K mà chỉ đi rút hồ sơ giúp M. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Xét việc xử lý của CQCSĐT Công an TP Hà Giang đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nêu trên là phù hợp đúng luật nên chấp nhận.

[16]. Về trách nhiệm dân sự:

- Trong quá điều tra vụ án, bị cáo K đã nhờ gia đình thực hiện việc trả nợ cho ngân hàng và bồi thường thiệt hại. Ngày 08/4/2020, ông Nguyễn Năng T (*bố để bị cáo K*) đã thanh toán toàn bộ các khoản vay của bị cáo với Ngân hàng PVCombank với tổng số tiền 521.450.000đ (*Năm trăm hai mươi một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi. Ngày 09/4/2020, Ngân hàng PVCombank đã thanh lý Hợp đồng khoản vay, giải chấp hợp đồng thế chấp trả giấy chứng nhận xe ô tô cho bà N (vợ ông S chủ sở hữu xe ô tô) và không yêu cầu đề nghị giải quyết về phần dân sự. Do vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

- Ngày 09/4/2020, bà Nguyễn Thị N đã nhận xe ô tô và giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 007340 mang tên Nguyễn Đức S, biển số đăng ký 23C-038.46, do Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 19/6/2017, bà N không yêu cầu, đề nghị gì thêm.

- Ông Nguyễn Hữu T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường về dân sự nên không xem xét giải quyết.

[17]. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu, số 01, ngày 09/4/2020, của Cơ quan điều tra: đã tiến hành trao trả giấy tờ cho ông Vũ Tiến Quân là chuyên viên quản lý khách hàng

cá nhân M, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (PVCombank) là người được Ngân hàng ủy quyền đứng ra giải quyết các vấn đề liên quan đến vụ án, gồm: 01 (Một) giấy đề nghị kiêm phương án vay, ngày 20/6/2017; 01 (Một) giấy ủy quyền, ngày 23/6/2017; 01 (Một) Biên bản thỏa thuận định giá tài sản thế chấp, số 263/2017/BBTĐG/ PVBMD, ngày 23/6/2017; 01 (Một) Hợp đồng thế chấp xe ô tô, số 263/2017/HĐBĐ-PVBMD, ngày 23/6/2017; 01 (Một) Hợp đồng cho vay, số 263/ 2017/HĐCV/ PVB-MĐ, ngày 23/6/2017; 01 (Một) Khế ước nhận nợ, số 01, ngày 23/6/2017; 01 (Một) Bản điều khoản và điều kiện cấp tín dụng; 01 (Một) Tờ trình đề xuất cấp tín dụng ngày 20/6/2017; 01 (Một) Hợp đồng lao động, số 104, lập ngày 05/5/2015; Giấy xác nhận tạm trú; Giấy vay tiền, lập ngày 12/6/2017. Sau khi nhận lại các giấy tờ, Ngân hàng PVCombank không yêu cầu đề nghị gì thêm.

Căn cứ Quyết định xử lý vật chứng, số 10, ngày 09/4/2020 của Cơ quan điều tra, đã tiến hành trao trả vật chứng của vụ án gồm

- Trả cho bà Nguyễn Thị N (vợ ông S), gồm: 01 (Một) xe ô tô đã qua sử dụng, nhãn hiệu Chevrolet - Colorado LT, màu sơn Xanh; số khung *MMM148EL0HH643773*, số máy GE2G170671255; 01 (Một) biển số 23C-038.46, kích thước 47,5cm x 11,8 cm; 01 (Một) biển số 23-038.46, kích thước 28,7cm x 20,9 cm; 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, số 007340, biển số 23C-038.46, do phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 19/6/2017. Sau khi nhận lại tài sản, bà N không yêu cầu, đề nghị gì.

- Trả cho ông Nguyễn Hữu T: 01 (Một) giấy bán xe ô tô, lập ngày 10/01/2019; 01 (Một) bản sao giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Hữu T; 01 (Một) bản sao sổ hộ khẩu số 450128559 mang tên Nguyễn Hữu T; 01 (Một) bản giấy chà số khung *MMM148EL0HH643773*; 01 (Một) bản giấy chà số máy GE2G170671255. Sau khi nhận lại tài sản, ông T không yêu cầu, đề nghị gì.

Xét việc xử lý vật chứng của cơ quan CSĐT Công an thành phố H là đúng quy định nên chấp nhận.

* Số vật chứng được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố H quản lý theo quy định của pháp luật, gồm:

- 01 (Một) điện thoại di động đã qua sử dụng, nhãn hiệu Iphone 6, màu Vàng - Trắng, số IMEI 354411068400630, lắp số thuê bao 0912051515 bị cáo đã sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội và số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) của anh Ngọc A nộp là số tiền thu lời bất chính cần nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước

- 01 (Một) Chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 010986 mang tên Nguyễn Đức S (thu giữ tại phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Hà Giang) là tài liệu chứng cứ chứng của vụ án nên tịch thu lưu theo hồ sơ vụ án hình sự.

[10] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51 - Bộ Luật hình sự; căn cứ Điều 106; của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Năng K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Năng K 07 (Bảy) năm tù, thời hạn tù tính ngày bị bắt tạm giam ngày 13/9/2019.

- Xử lý vật chứng:

+ Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu Vàng - Trắng, số IMEI 354411068400630, điện thoại đã cũ, qua sử dụng, không bật nguồn, không kiểm tra bên trong máy, kèm 01 sim không kiểm tra số số thuê bao; 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tiền Việt Nam: được gửi vào tài khoản tạm giữ của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Hà Giang.

+ Tịch thu lưu Hồ sơ vụ án hình sự: 01 (Một) Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 010986 mang tên Nguyễn Đức S.

Vật chứng được bàn giao tại biên bản bàn giao vật chứng giữa Công an thành phố Hà Giang và cơ quan Thi hành án dân sự TP Hà Giang ngày 08/6/2020.

- Án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Năng K phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh HG;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Viện kiểm sát TP. Hà Giang;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Công an TP.Hà Giang;
- Nhà tạm giữ - Công an TP.Hà Giang;
- CQ thi hành án hình sự;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-BP.

Lê Thị Thanh Bình